

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT

Ngày 05-5-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn, nghĩa vụ thanh toán nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05-5-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-HNGĐ ngày 22-3-2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, nghĩa vụ thanh toán nợ chung, do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 18-4-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Chu Văn B, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Việt Q, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 123/QĐ-NHCS, ngày 19-10-2021), có mặt;

- Người làm chứng: Bà Vi Thị N; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- Người kháng cáo: Anh Chu Văn B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20-9-2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị Hoàng Thị T cho rằng anh Chu Văn B không quan tâm đến vợ con, thường xuyên cờ bạc, chửi mắng và nhiều lần đánh chị Hoàng Thị T. Năm 2018, anh Chu Văn B có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ ở tỉnh Sơn La; năm 2022, anh Chu Văn B tiếp tục có quan hệ tình cảm công khai với một người phụ nữ tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 3 năm 2022, chị Hoàng Thị T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã X, huyện B ở nhờ, sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Giang. Chị Hoàng Thị T xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Chu Văn B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn;

Anh Chu Văn B cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, chưa trầm trọng. Việc anh có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ ở tỉnh Sơn La và một người phụ nữ ở thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là do chị Hoàng Thị T không cho anh gần gũi; các mối quan hệ này đến nay đều đã chấm dứt. Anh vẫn còn tình cảm, vẫn yêu thương chị Hoàng Thị T nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B có 03 con chung là cháu Chu N, sinh ngày 23-9-2012; cháu Chu H, sinh ngày 26-4-2014 và cháu Chu V, sinh ngày 01-02-2016. Chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B thỏa thuận khi ly hôn, anh Chu Văn B có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành; anh Chu Văn B yêu cầu chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con theo mức lương cơ bản là 1.490.000 đồng/tháng/người; chị Hoàng Thị T đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B vay Ngân hàng chính sách xã hội 100.000.000 đồng, hạn trả nợ 09-4-2032. Chị Hoàng Thị T xác định đã sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân; do đó, khi ly hôn chị Hoàng Thị T tự chịu trách nhiệm trả nợ gốc và nợ lãi theo kỳ hạn cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội nhất trí về việc chị Hoàng Thị T tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Chu Văn B.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B; anh Chu Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Chu N, sinh ngày 23-9-2012; Chu H, sinh ngày 26-4-2014 và Chu V, sinh ngày 01-02-2016 đến khi con đủ 18 tuổi;

Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/người/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 3/2023. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nợ chung: Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) và lãi phát sinh theo quy định cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

Ngày 24-02-2023, anh Chu Văn B có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung không nhất trí ly hôn với chị Hoàng Thị T; đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dạy các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Chu Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu đoàn tụ vì các con còn nhỏ; trường hợp chị Hoàng Thị T thực hiện ngay nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần, với số tiền 360.000.000 đồng thì anh Chu Văn B đồng ý ly hôn; anh Chu Văn B xin miễn án phí dân sự phúc thẩm;

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 04-5-2023, chị Hoàng Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và không chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Chu Văn B;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội nhất trí với phần quyết định của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về kháng cáo của người kháng cáo: Anh Chu Văn B kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Anh Chu Văn B kháng cáo không đồng ý ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng, tình cảm phải xuất phát từ hai phía. Chị Hoàng Thị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng hiện đã sống ly thân; anh Chu Văn B không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Chu Văn B không có cơ sở chấp nhận.

Anh Chu Văn B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Kiến nghị: Bản án sơ thẩm có thiếu sót trong phần Quyết định về thời hạn cấp dưỡng nuôi con, việc thi hành Bản án theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn B; sửa Bản án

hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung kiến nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Xét thấy, chị Hoàng Thị T là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Vi Thị N là người làm chứng, vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có lời khai. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Chu Văn B: Anh Chu Văn B và chị Hoàng Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, sau khi kết hôn khoảng 02 tháng, vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Chu Văn B thừa nhận đã hai lần tát chị Hoàng Thị T khi vợ chồng xảy ra cãi vã; anh Chu Văn B cũng thừa nhận năm 2018 và năm 2022, anh Chu Văn B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác do chị Hoàng Thị T thách thức; từ tháng 3-2022 vợ chồng sống ly thân. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B không có sự gắn kết, vợ chồng thiếu tôn trọng, thiếu chung thủy với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị T là có căn cứ.

[3] Anh Chu Văn B yêu cầu đoàn tụ với lý do các con của anh chị còn nhỏ, khi vợ chồng ly hôn, các cháu không tập trung học tập; chị Hoàng Thị T không có trách nhiệm với con, từ tháng 3 năm 2023 không nộp tiền cấp dưỡng nuôi con; trường hợp chị Hoàng Thị T thanh toán ngay một lần tiền cấp dưỡng nuôi con, số tiền 360.000.000 đồng thì anh Chu Văn B đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh Chu Văn B yêu cầu đoàn tụ, nhưng không có biện pháp cải thiện, hàn gắn quan hệ vợ chồng; yêu cầu đoàn tụ cũng không xuất phát từ tình cảm, tình nghĩa vợ chồng. Do đó, kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Chu Văn B không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh liên quan đến một số thiếu sót trong Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nhận thấy, nội dung kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ khắc phục nội dung về thời hạn cấp dưỡng nuôi con và quyền yêu cầu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự trong quyết định của Bản án phúc thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, xét thấy, cấp sơ thẩm quyết định về nghĩa vụ trả nợ phù hợp với đề nghị của Ngân hàng thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 08-11-2022 (BL46); người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Triệu Việt Q vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng ngày 17-02-2023 đã được nhận Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Triệu Việt Q có ý kiến nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm thanh toán nợ của chị Hoàng Thị T đối với Ngân hàng. Do đó, cấp sơ thẩm

không tuyên quyền kháng cáo cho Ngân hàng là thiếu sót, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh Chu Văn B không được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh Chu Văn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Xét thấy, anh Chu Văn B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Chu Văn B.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn B về quan hệ hôn nhân; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về thời hạn cấp dưỡng nuôi con và quyền yêu cầu thi hành án, cụ thể:

1.1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Chu Văn B.

1.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn

Công nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị T và anh Chu Văn B, cụ thể, anh Chu Văn B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung là Chu N, sinh ngày 23-9-2012; Chu H, sinh ngày 26-4-2014 và Chu V, sinh ngày 01-02-2016 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

1.3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Chu N, sinh ngày 23-9-2012; Chu H, sinh ngày 26-4-2014 và Chu V, sinh ngày 01-02-2016, với số tiền cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Nghĩa vụ trả nợ: Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, có phê duyệt của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 08-4-2022.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Chu Văn B được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại anh Chu Văn B 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0005245, ngày 09-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Lệ Hường